TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

Bản án số: 33/2020/HNGĐ- ST
Ngày 15-7-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ

- Bà Bùi Bích Thủy

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19-6-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30-6-2020; thông báo mở lại phiên tòa sô 14 ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa;

Nguyên đơn: Anh Triệu Văn C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 5 năm 2020 nguyên đơn anh Triệu Văn C trình bày: Anh C Kết hôn với chị Hoàng Thị T ngày 08-11-2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được hai năm, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không bợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh C và chị T đã sống ly thân từ đầu

năm 2019. Nay anh C xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh C và chị T có một con chung tên là Triệu Hải D, sinh ngày 29-12-2017. Hiện nay cháu D đang ở với anh C, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Anh C được ly hôn chị T; giao cháu Triệu Hải D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện T là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Anh Triệu Văn C Kết hôn với chị Hoàng Thị T ngày 08-11-2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống hòa thuận được hai năm, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không bợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh C và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Nay anh C xác định tình cảm không còn đề

nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Đối với chị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù chị T biết việc anh C xin ly hôn nhưng chị T không có ý kiến gì. Căn cứ các biên bản ghi lời khai của ông Triệu Văn V là bố đẻ anh triệu Văn C và biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị T là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị T ngày 18-6-2020 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Y là những người thân của anh C và chị T đã xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn của anh C và chị T do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa anh C và chị T là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh C được ly hôn chị T.

{4} *Về con chung*: Anh C và chị T có một con chung là Triệu Hải D, sinh ngày 29-12-2017. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu D ở với anh C từ nhỏ hiện nay đang ở cùng anh C. Tại các biên bản ghi lời khai của ông Triệu Văn V là bố đẻ anh triệu Văn C và biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị T là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị T ngày 18-6-2020 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Y là những người thân của anh C và chị T đã xác nhận: Cháu D hiện nay đang ở cùng anh C và gia đình bố mẹ đẻ anh C. Chị T đi làm ăn ở xa không thể mang theo cháu D đi chăm sóc nuôi dưỡng được và chị T cũng nhất trí để anh C nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định về tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu D, nên yêu cầu của anh C tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế được chấp nhận. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273, 280, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Anh Triệu Văn C được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2- Về con chung xử: Giao cháu Triệu Hải D, sinh ngày 29-12-2017 cho anh Triệu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Anh Triệu Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0004807 ngày 08-5-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

- Anh Triệu Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Văn Anh

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS huyện L;
- CCTHA huyện L;
-UBND xã T;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA